

Xe đầu kéo **TS7-E**

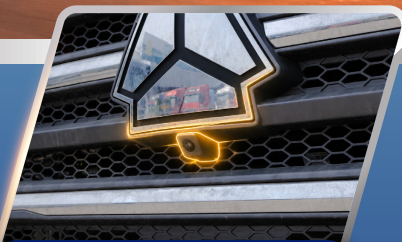
LỰA CHỌN CỦA NHÀ VẬN TẢI TIÊN PHONG



Hệ thống khung gầm công nghệ MAN - TGA với giằng cầu V, giằng cân bằng trước sau giúp xe vận hành êm ái, chịu tải vượt trội



Động cơ công nghệ MAN MC11H thế hệ mới mạnh mẽ, tuổi thọ cao, bền bỉ, tiết kiệm



An toàn vượt trội với trang bị phanh ABS cho cả 3 trục và camera 360 độ hạn chế tối đa điểm mù

HOWO  **VIMIO**

TRANG BỊ NỔI BẬT

NGOẠI QUAN XUẤT SẮC



- ✔ Cabin TS7 thế hệ mới mang phong cách SCANIA hiện đại, nổi bật với mặt ca-lăng khỏe khoắn, tạo diện mạo bề thế và khác biệt.
- ✔ Cabin sàn phẳng cao 1980mm, hệ thống treo 4 bóng hơi, cách âm chỉ 48dB, mang lại không gian lái thoải mái và yên tĩnh trên mọi hành trình.
- ✔ Khung cabin chịu lực cao, ba đờ sóc kim loại bền chắc, gương tối ưu tầm nhìn, nâng cao an toàn khi vận hành.

NỘI THẤT SANG TRỌNG



- ✔ Trang bị màn hình 12.3 inch tích hợp camera 360, CarPlay, Bluetooth, Cruise Control cùng vô lăng đa chức năng mang đến trải nghiệm lái tiện nghi và hiện đại.
- ✔ Cabin thiết kế 2 giường nằm rộng rãi, tích hợp các phím điều khiển tiện ích, tạo không gian nghỉ ngơi thoải mái trên mọi hành trình dài.
- ✔ Ghế hơi điều chỉnh đa hướng có quạt thông gió

XE ĐẦU KÉO TS7-E 460 CẦU LÁP

Kiểu loại xe	
Loại phương tiện (Vehicle's type)	Ô TÔ ĐẦU KÉO
Nhãn hiệu (Trade mark)	CNHTC
Mã kiểu loại (Model code)	ZZ4257W344KE1
Công thức bánh xe (Drive configuration)	6x4
Khối lượng (mass) (*)	
Khối lượng bản thân (Kerb mass) (kg)	10100
Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. pay mass: Designed/Authorized) (kg)	14770
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized) (kg)	25000
Khối lượng kéo theo TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. towed mass: Designed/Authorized) (kg)	38900
Số người cho phép chở, kể cả người lái (Passenger capacity including driver) (người)	02 người (130 kg)
Kích thước (Dimensions) (*)	
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H) (mm)	7350x2500x3860
Kích thước lòng thùng xe/bao ngoài xi téc (Inside dimensions of cargo deck/outside of tank) (mm)	-
Khoảng cách trục (Wheel space) (mm)	3400 + 1400
Vết bánh xe trước (Front track) (mm)	2041
Vết bánh xe sau (Rear track) (mm)	1830
Động cơ (Engine)	
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type)	MC11H.46-50A (460Hp) 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, có tăng áp
Loại nhiên liệu (Fuel)	Diesel
Thể tích làm việc (Displacement) (cm3)	11050
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay(Max. engine output/rpm) (kW/rpm)	341/1900
Tiêu chuẩn khí thải (Emission standard)	EURO 5
Hệ thống truyền lực và chuyển động (Transmission system)	
Loại/dẫn động ly hợp (Type/actuation of clutch)	Ma sát/Thủy lực trợ lực khí nén
Ký hiệu/loại/số cấp tiến-lùi/điều khiển hộp số (model/type/number of forward-backward speed/control of gearbox):	HW25712XSTL / HW25712XSTCL Cơ khí/ 12 tiến-02 lùi / Cơ khí
Vị trí cầu chủ động (Position of drive axles):	TRUC 2+3
Cầu trước (Front axle)	HF VGD71/ 7,1 tấn
Cầu sau (Rear axle)	Cầu Láp Man, MCJ13JGY, 13 tấn, tỷ số truyền cầu 3.7 hoặc 4.11 (*)
Lốp (Tyre)	12R22.5, lốp không sẫm, bố thép
Hệ thống treo (Suspension system)	
Hệ thống treo trước (Front suspension system)	Loại treo phụ thuộc, kiểu nhíp đa lá, có giảm chấn thủy lực, có thanh cân bằng, số lá nhíp 3 lá
Hệ thống treo sau (Behide suspension system)	Loại treo phụ thuộc, kiểu nhíp đa lá, có thanh cân bằng, số lá nhíp 5 lá
Hệ thống lái (Steering system)	
Ký hiệu (model)	Bosch
Loại cơ cấu lái (type)	Trục vít - ê cu bi
Trợ lực (powered)	Cơ khí trợ lực thủy lực
Hệ thống phanh (Brake system)	
Hệ thống phanh chính (Type of braking system):	Khí nén
Loại cơ cấu phanh (service brake)	Tang trống
Thân xe (Body)	
Cabin	TS7-E, đầu cao, có 2 giường nằm
Loại thân xe (type of body work)	Khung xe chịu lực, ca bin lật
Loại dây đai an toàn cho người lái (type of driver's seatbelt)	Dây đai 3 điểm
Thiết bị chuyên dùng (Special equipments) (*)	
Loại thiết bị chuyên dùng (Equipments type)	Mâm kéo có khóa hãm
Đơn vị sản xuất (Manufacturer)	JOST
Thể tích, quy cách (Volume, specification)	50# hoặc 90#
Hệ thống thủy lực (Hydraulic system)	-
Khác (Others)	Có ABS, Chia khóa thông minh smartkey, cabin nâng điện, nâng kính điện, sấy kính chính gương điện 4 chiều, màn hình nổi 12.3inch LCD cảm ứng có camera 360 Bluetooth, phanh cuppo, Cruise control, bơm nhiên liệu tự động,....
Khác	
Màu sắc (Colour)	Màu sắc tùy chọn (xanh, đỏ, trắng, bạc...)
Loại ắc quy/Điện áp-Dung lượng (Type of Battery/Voltage-capacity)	Chi Axit / Ắc quy 2 x 12V/180ah.
Dung tích thùng dầu (Fuel tank capacity)	550L+550L làm bằng hợp kim nhôm
Tiêu hao nhiên liệu (lít/100km) (Fuel consumption)	Tùy theo cung đường và tải trọng

GHI CHÚ: Bảng thông số kỹ thuật trên dựa theo " Giấy Chứng Nhận An Toàn Kỹ Thuật Và Bảo Vệ Môi Trường" của xe.
Mục đánh dấu (*) là mục có thể thay đổi tùy theo thông số khi nhập về!

DỊCH VỤ TẬN TÂM

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ



HỆ THỐNG CHUỖI TRẠM 3S VÀ ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN

PHŨ SÔNG BẮC NAM

SẴN SÀNG PHỤC VỤ

- | | |
|---------------|---------------|
| ▼ SƠN LA | ▼ QUẢNG BÌNH |
| ▼ LÀO CAI | ▼ HUẾ |
| ▼ THÁI NGUYÊN | ▼ ĐÀ NẴNG |
| ▼ PHÚ THỌ | ▼ QUẢNG NGÃI |
| ▼ BẮC GIANG | ▼ BÌNH ĐỊNH |
| ▼ TÂY HÀ NỘI | ▼ GIA LAI |
| ▼ ĐÔNG HÀ NỘI | ▼ ĐẮK LẮK |
| ▼ HÀ NAM | ▼ LÂM ĐỒNG |
| ▼ NINH BÌNH | ▼ KHÁNH HÒA |
| ▼ HẢI PHÒNG | ▼ HỒ CHÍ MINH |
| ▼ QUẢNG NINH | ▼ BÌNH DƯƠNG |
| ▼ THANH HÓA | ▼ ĐỒNG NAI |
| ▼ NGHỆ AN | ▼ TÂY ĐO |

- Hệ thống chuỗi trạm với 22 trạm dịch vụ 3S và đại lý ủy quyền trải dài trên toàn quốc, đảm bảo cung cấp dịch vụ và hỗ trợ nhanh chóng cho khách hàng.
- Mô hình 3S: Sales – Service – Spare Parts, cung cấp giải pháp toàn diện từ bán hàng, dịch vụ đến phụ tùng chính hãng.
- Liên tiếp mở rộng chuỗi trạm dịch vụ để hoàn thành cam kết 100km có một trạm 3S, giúp khách hàng bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa nhanh chóng, thuận lợi.
- Mạng lưới dịch vụ đồng bộ, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, giúp khách hàng trải nghiệm và sử dụng sản phẩm dịch vụ với chất lượng tốt nhất.

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU - GIÁ TRỊ DÀI LÂU



Đào tạo, hướng dẫn sử dụng vận hành đầy đủ, giúp khách hàng chủ động bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.



Chăm sóc nhắc lịch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo xe hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả.



Các chương trình tri ân, ưu đãi và thăm khám tận chân công trình nhằm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng

Bảo hành uy quyền chính hãng đạt tiêu chuẩn quốc tế của SINOTRUK tại Việt Nam



Đội ngũ Cố vấn dịch vụ hỗ trợ tư vấn, xử lý sự cố trong quá trình khách hàng sử dụng xe



Dịch vụ cứu hộ 24/7 luôn sẵn sàng hỗ trợ khách hàng mọi lúc, mọi nơi.



PHỤ TÙNG CHÍNH HÃNG BỀN BỈ THỜI GIAN

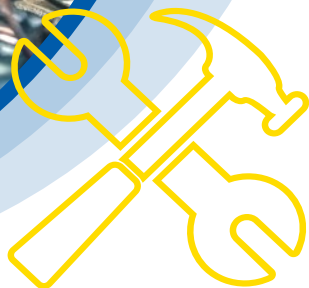


- Kho phụ tùng đầy đủ sản phẩm chính hãng tại tất cả các trạm 3S trên toàn quốc, đảm bảo cung cấp nhanh chóng không gián đoạn quá trình sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng...
- Phụ tùng chính hãng chất lượng cao, chính sách bảo hành tốt, giúp xe tải hoạt động bền bỉ, an toàn và hiệu quả.



ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT VIÊN GIỎI CHUYÊN MÔN VỮNG TAY NGHỀ TẬN TÂM PHỤC VỤ

- Được đào tạo bài bản theo tiêu chuẩn của tập đoàn Sinotruk và các chuyên gia đầu ngành.
- Thường xuyên tham gia các khóa huấn luyện nâng cao kỹ năng, cập nhật công nghệ mới nhất.
- Kinh nghiệm thực tế phong phú, xử lý nhanh chóng mọi sự cố từ đơn giản đến phức tạp.
- Cam kết thời gian sửa chữa tối ưu, giúp khách hàng tiết kiệm chi phí vận hành.
- Thái độ làm việc chuyên nghiệp và tận tâm: giúp nâng cao trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng



CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CỦA VIMID

- 01 Dịch vụ bảo dưỡng xe trước khi xuất xưởng, bảo dưỡng lần đầu
- 02 Dịch vụ gói bảo dưỡng tùy chọn với từng loại xe
- 03 Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tại xưởng
- 04 Dịch vụ gia hạn thời gian bảo hành xe
- 05 Dịch vụ sửa chữa lưu động tại chân công trình
- 06 Dịch vụ cứu hộ cho xe gặp sự cố trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam
- 07 Dịch vụ đại tu, trung tu xe cũ
- 08 Các dịch vụ gia tăng khác (Camera hành trình, GPS, dịch vụ đăng ký đăng kiểm, các gói bảo hiểm xe, vay vốn ngân hàng...)

VIMID

GIẢI PHÁP VẬN TẢI TOÀN DIỆN